TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28/02/2018
"V/v tranh chấp HNGĐ – Xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản và nợ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Huỳnh Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Ngọc Châu,
2. Ông Dương Tấn Lợi.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 635/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 về việc: *"Tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản và nợ"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1978;
Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
2. Bị đơn: Chị **Lê Thị Thùy T**, sinh năm 1982;
Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Lê Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2004, anh T và chị T kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Cao Lãnh ngày 01/11/2004. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu vẫn hạnh phúc nhưng thời gian sau, vì cuộc sống mưu sinh nên vợ

chồng phải đi làm ăn xa nhau cũng từ đó vợ chồng ly thân luôn và chị T đã bỏ đi đâu không ai biết, anh đã cố gắng tìm kiếm nhưng vẫn không có tin tức gì và không biết chị ở đâu. Sau đó anh T có yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh tuyên bố mất tích đối với chị Lê Thị Thùy T, tuy nhiên từ thời điểm đó đến nay chị T vẫn không trở về địa phương. Nay anh T nhận thấy tình cảm hai bên không thể hàn gắn được, nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Thùy T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Gia M, sinh ngày 19/11/2005 và Lê Mai K, sinh ngày 09/6/2008. Hiện nay con chung đang sống với anh T. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

* Đối với bị đơn là chị Lê Thị Thùy T đã được được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp và hòa giải và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:
1. Bản sao giấy chứng nhận kết hôn tên Lê Văn T – Lê Thị Thùy T.
2. Bản sao giấy khai sinh tên Lê Gia M và Lê Mai K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng*:* Chị Lê Thị Thùy T mặc dù được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị T không có văn bản ý kiến trả lời cũng như không đến tham gia phiên hòa giải, tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay vẫn vắng mặt không lý do; vì vậy căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Lê Thị Thùy T.

Trong quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018 thì Hội thẩm nhân dân chính thức là ông Phạm Phước Tâm và bà Hồ Thị Mai Hương, Hội thẩm nhân dân dự khuyết là ông Dương Tấn Lợi và bà Võ Thị Điệp. Tuy nhiên, ông Tâm, bà Hương và bà Điệp đều bận công tác đột xuất nên thay thế Hội thẩm nhân dân là bà Lê Thị Ngọc Châu để tham gia Hội đồng xét xử. Đương sự có mặt tại phiên tòa thống nhất với sự thay đổi này nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử.

- Về hôn nhân: Xét thấy anh Lê Văn T và chị Lê Thị Thùy T kết hôn 2004, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày

01/11/2004 . Sau khi kết hôn, theo anh T, thời gian đầu vợ chồng vẫn hạnh phúc nhưng thời gian sau, do cuộc sống mưu sinh nên cả hai phải đi làm ăn xa nhau, từ đó vợ chồng ly thân luôn đến nay và chị T đã bỏ đi đâu không ai biết, anh đã cố gắng tìm kiếm nhưng vẫn không có tin tức gì và không biết chị ở đâu; tháng 02/2017 anh T đã yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích đối với chị T và được Toà án chấp nhận tại Quyết định số: 07/2017/QĐDS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2017 nhưng kể từ khi Tòa án có quyết định tuyên bố mất đối với chị T đến nay chị T vẫn không trở về địa phương, điều này cho thấy chị T không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh T, hiện nay mỗi người có cuộc sống riêng, cho thấy hôn nhân giữa hai người không đạt được mục đích. Nay anh T yêu cầu được ly hôn với chị T xét thấy là phù hợp nên Tòa chấp nhận.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh T và chị T vợ chồng 02 con chung tên Lê Gia M, sinh ngày 19/11/2005 và Lê Mai K, sinh ngày 09/6/2008, hiện các con chung đang sống với anh T. Xét thấy con chung Lê Gia M và Lê Mai K có nguyện vọng sống với anh T khi cha mẹ ly hôn, điều này phù hợp với yêu cầu xin nuôi con của anh T; do vậy chấp nhận anh T tiếp tục nuôi dưỡng các con chung Lê Gia M và Lê Mai K, anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xem xét.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Án phí: Anh Lê Văn T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

** Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của anh Lê Văn T.

1. Về hôn nhân: Anh Lê Văn T được ly hôn với chị Lê Thị Thùy T.

2. Về con chung: Chấp nhận anh T được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung tên Lê Gia M, sinh ngày 19/11/2005 và Lê Mai K, sinh ngày 09/6/2008, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu.

Chị T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Anh Lê Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 16347 ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Đối với chị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- UBND xã An Bình;
- Tòa án tỉnh.
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Trung Dũng